

- Các cơ quan quản lý cấp trên của các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm chấp hành việc chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi về sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước của Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định của Ban, tạo điều kiện cho Ban hoàn thành nhiệm vụ.

2. Quan hệ với các cơ quan chức năng.

Là quan hệ phối hợp trong việc nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn khách quan, phục vụ cho việc sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước.

3. Quan hệ với Văn phòng Chính phủ.

- Là quan hệ phối hợp trong việc thống nhất ý kiến phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước.

- Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp có trách nhiệm chủ động phối hợp với Văn phòng Chính phủ triển khai cụ thể chương trình, kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước trong phạm vi cả nước đã được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Quan hệ với Vụ Đổi mới và phát triển doanh nghiệp thuộc Văn phòng Chính phủ.

- Vụ Đổi mới và phát triển doanh nghiệp có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp (Điều 2 của Quyết định số 98/2000/QĐ-TTg và Điều 2 của Quyết định số 122/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), vì vậy, Ban có trách nhiệm và quyền hạn dưới đây:

- Ban yêu cầu Vụ Đổi mới và phát triển doanh nghiệp thực hiện công tác phục vụ (in ấn tài liệu, phát hành công văn...); theo dõi, báo cáo cụ thể tình hình chuẩn bị đề án để trình duyệt, thực hiện đề án về sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước đã được duyệt của các cơ quan quản lý cấp trên của các doanh nghiệp nhà nước; ý kiến đánh giá, nhận xét, kiến nghị.

- Ban có trách nhiệm đánh giá, nhận xét cán bộ, công chức của Vụ Đổi mới và phát triển doanh

niệp trong phạm vi thực hiện chức năng, nhiệm vụ giúp việc cho Ban để phối hợp với Văn phòng Chính phủ trong việc thống nhất công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng... đối với cán bộ, công chức của Vụ Đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

- Vụ Đổi mới và phát triển doanh nghiệp là một đơn vị trực thuộc Văn phòng Chính phủ, giúp việc cho Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ theo dõi về lĩnh vực sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước (Điều 2 của Quyết định số 122/2000/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ) theo quy định của Chính phủ và của Văn phòng Chính phủ. Vì vậy, Vụ Đổi mới và phát triển doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện tốt những nhiệm vụ giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ được quy định ở các mục a, b, c, d, d phần 1 Điều 2 của Quyết định số 745/2000/QĐ-VPCP ngày 05 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, đồng thời có trách nhiệm phục vụ tốt cho các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp đã được quy định trong Quyết định số 121/2000/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 129/2001/QĐ-TTg ngày 29/8/2001 về việc phê duyệt Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu giai đoạn 2001 - 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Xét đề nghị của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, ý kiến của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu của kế hoạch.

a) Mục tiêu đến năm 2010

- Sẵn sàng và ứng phó kịp thời, hiệu quả mọi trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu để giảm tới mức thấp nhất thiệt hại đối với môi trường, ảnh hưởng đến các ngành kinh tế và đời sống của nhân dân.

- Hoàn chỉnh hệ thống cơ chế, chính sách, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, xây dựng lực lượng chuyên nghiệp làm nòng cốt cho hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

b) Mục tiêu đến năm 2005.

Bảo đảm sẵn sàng ứng phó hiệu quả ở một số khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố tràn dầu, gây tác hại lớn là các vùng biển thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vùng sông Sài Gòn - Đồng Nai, vùng biển miền Trung từ Đà Nẵng đến Nha Trang vùng sông biển thuộc thành phố Hải Phòng và vịnh Hạ Long.

2. Phạm vi thực hiện kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu và quy định khu vực ứng phó, phân loại mức độ sự cố tràn dầu.

a) *Phạm vi thực hiện kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.*

Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu được thực hiện trên toàn vùng đất liền, các hải đảo và vùng biển (vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm

lục địa của Việt Nam) được quy định tại Tuyên bố ngày 12 tháng 5 năm 1977 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của Việt Nam.

Ứng phó sự cố tràn dầu được tiến hành trong mọi trường hợp tràn dầu do mọi nguyên nhân, mọi tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài gây ra.

b) *Khu vực ứng phó sự cố tràn dầu.*

- Khu vực miền Bắc bao gồm: toàn bộ các tỉnh, thành phố miền Bắc tới hết tỉnh Quảng Bình; toàn bộ vùng biển khu vực vịnh Bắc Bộ thuộc phạm vi ứng phó sự cố tràn dầu đến vĩ tuyến 17°10'N.

- Khu vực miền Trung bao gồm: toàn bộ các tỉnh, thành phố miền Trung từ tỉnh Quảng Trị tới hết tỉnh Bình Thuận; toàn bộ vùng biển thuộc phạm vi ứng phó sự cố tràn dầu từ vĩ tuyến 17°10'N đến vĩ tuyến 11°20'N.

- Khu vực miền Nam bao gồm: toàn bộ các tỉnh, thành phố miền Nam từ tỉnh Ninh Thuận đến hết tỉnh Cà Mau, Kiên Giang; toàn bộ vùng biển từ vĩ tuyến 11°20'N, về phía Nam, đến hết phạm vi ứng phó sự cố tràn dầu của kế hoạch Quốc gia này.

c) *Phân loại mức độ sự cố tràn dầu.*

Mức độ ứng phó sự cố tràn dầu được phân theo 3 mức từ mức độ I đến mức độ III dựa trên cơ sở khối lượng dầu tràn ra môi trường.

Mức I: Dưới 100 tấn.

Mức II: Từ 100 tấn đến 2.000 tấn.

Mức III: Trên 2.000 tấn.

3. Hệ thống và cơ chế hoạt động của các cấp ứng phó sự cố tràn dầu.

Việc ứng phó sự cố tràn dầu được tiến hành ở 3 cấp: Cấp cơ sở, cấp khu vực và cấp Quốc gia.

a) *Cấp cơ sở:*

- Các cơ sở kinh tế - xã hội, quốc phòng - an

nình có khả năng gây ra sự cố tràn dầu (sau đây gọi chung là cơ sở) đều phải tự xây dựng kế hoạch ứng phó, đầu tư các trang thiết bị và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do cơ sở mình gây ra và sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền.

- Trường hợp tiềm lực và khả năng bị hạn chế, cơ sở phải hợp đồng với các cơ sở khác trong vùng hoặc với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực để hỗ trợ ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra tại cơ sở mình.

b) Cấp khu vực:

Tại mỗi khu vực ứng phó sự cố tràn dầu tổ chức một Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực (sau đây viết tắt là Trung tâm khu vực).

- Trung tâm khu vực được tổ chức hoạt động theo quy chế của doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, có lực lượng chuyên nghiệp làm nòng cốt bảo đảm đủ điều kiện sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố tràn dầu từ mức độ II trở lên trong khu vực được phân công.

- Trên cơ sở xem xét tổng thể giữa hiện trạng và nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư cho hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ở từng khu vực, Nhà nước sẽ đầu tư bổ sung để Trung tâm khu vực đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố tràn dầu trong khu vực được giao.

- Trung tâm khu vực chịu sự quản lý nhà nước của Bộ, ngành chủ quản. Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn trực tiếp chỉ đạo Trung tâm khu vực trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu.

Từ nay đến năm 2004 tập trung xây dựng hoàn chỉnh, dựa vào hoạt động 2 Trung tâm khu vực miền Trung, miền Nam. Trên cơ sở kinh nghiệm thu được từ 2 Trung tâm này, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn đề xuất kế hoạch xây dựng Trung tâm miền Bắc, bảo đảm đến năm 2010, cả nước có 3 Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực hoạt động.

c) Cấp Quốc gia:

- Trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của một Trung tâm khu vực, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn điều động lực lượng của các Trung tâm khu vực khác, của các Bộ, ngành, các địa phương và của các tổ chức, cá nhân phối hợp tham gia ứng phó sự cố tràn dầu.

- Trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của các lực lượng trong nước, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị lực lượng ứng phó sự cố tràn dầu của nước ngoài vào trợ giúp. Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì, phối hợp các lực lượng trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu này.

4. Trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu.

a) Các cơ sở.

Các cơ sở tự trang bị phương tiện, trang thiết bị bảo đảm ứng phó sự cố tràn dầu ở mức có thể xảy ra ở cơ sở mình theo quy định của kế hoạch này.

b) Các Trung tâm khu vực.

Các Trung tâm khu vực cần có các loại trang thiết bị, phương tiện, vật tư chủ yếu như sau:

- Các trang thiết bị kỹ thuật, thông tin liên lạc để điều hành hoạt động của Trung tâm.

- Đội tàu chuyên dùng, xuống máy tốc độ cao, các loại phao, chất phân tán và các phương tiện, trang thiết bị chứa dầu, bơm, hút, phun chất phân tán, thu gom dầu; hệ thống xử lý cặn dầu...

- Trang thiết bị, quần áo bảo hộ cho người tham gia ứng phó.

c) Tại các cơ quan chỉ đạo, điều hành.

Tại Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan khác có liên quan được trang bị các thiết bị thông tin liên lạc, các trang thiết bị khác phù hợp với trách nhiệm được giao tại Điều 2 của Quyết định này.

5. Tài chính để thực hiện kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.

a) Các cơ sở sản xuất kinh doanh:

Các cơ sở tự bảo đảm tài chính cho việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở.

b) Các Trung tâm khu vực:

Tài chính bảo đảm cho các Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực hoạt động lấy từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước bổ sung dầu từ ban dầu và bảo đảm cho một số hoạt động thường xuyên về ứng phó sự cố tràn dầu cho các Trung tâm khu vực sẽ được xem xét căn cứ theo Nghị định số 56/CP ngày 02 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và theo Quyết định số 215/1999/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tạm thời quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiến tới các Trung tâm khu vực phải xây dựng kế hoạch kinh doanh để tự bảo đảm kinh phí hoạt động, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

c) Các cơ quan chỉ đạo, điều hành:

Đối với các hoạt động theo nhiệm vụ Chính phủ giao cho Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan khác có liên quan với trách nhiệm được giao tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định này được sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.

1. Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn:

Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn là cơ quan chủ trì, chỉ huy và tổ chức thực hiện kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu, có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên cả nước, hệ thống tổ chức thực

hiện, bảo đảm từ năm 2002 - 2003 việc ứng phó sự cố tràn dầu sẽ được điều hành theo quy chế và hệ thống tổ chức thống nhất trên cả nước.

b) Chủ trì tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, nâng cao trách nhiệm công dân, động viên, tổ chức nhân dân tham gia các hoạt động nhằm xã hội hóa nhiệm vụ phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu.

c) Chỉ đạo, điều động, chủ trì, phối hợp các lực lượng tham gia ứng phó sự cố tràn dầu.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch hàng năm, 5 năm trước mắt là kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các năm 2001 - 2005, triển khai thực hiện khi kế hoạch trên được thông qua đến các khu vực, các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thường xuyên hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch theo các quy định hiện hành.

d) Chỉ đạo việc điều tra, xác minh các sự cố tràn dầu lớn, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về những biện pháp phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sự cố tràn dầu xảy ra.

e) Hàng năm tổ chức chỉ đạo diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho các lực lượng ứng phó sự cố tràn dầu.

g) Làm dầu môi quốc gia để tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu. Phối hợp với các nước có vùng tiếp giáp để cùng ứng phó khi dầu tràn xảy ra tại các khu vực đó.

h) Lập danh mục văn bản quan hệ quốc tế về ứng phó sự cố tràn dầu để kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước liên quan ban hành theo thẩm quyền, bảo đảm đến năm 2003 nước ta về cơ bản có đủ các văn bản pháp quy để các tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu trong và ngoài nước có cơ sở pháp lý phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu tại Việt Nam.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft *
1965954

2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

a) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu đối với môi trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 về việc ban hành các văn bản này.

b) Hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương trong việc đánh giá, xác định thiệt hại và khắc phục hậu quả suy thoái môi trường do sự cố tràn dầu gây ra.

c) Tổ chức và hỗ trợ Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu.

d) Thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

3. Bộ Quốc phòng.

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án sẵn sàng triển khai lực lượng, phương tiện của quân đội tham gia phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu theo yêu cầu của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

b) Thành lập Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Trung trong hệ thống cứu nạn của Bộ Quốc phòng. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, quy định nhiệm vụ ứng phó sự cố tràn dầu cho Trung tâm khu vực miền Trung, đầu tư trang thiết bị và đào tạo nhân lực cần thiết ban đầu để Trung tâm có thể sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ trong các năm 2002 - 2004.

4. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án sẵn sàng triển khai lực lượng, phương tiện của ngành dầu khí tham gia phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu theo yêu cầu của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

b) Thành lập Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam trong hệ thống các tỉnh hướng khẩn cấp thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, quy định nhiệm vụ ứng phó sự cố tràn dầu cho Trung tâm khu vực miền Nam, đầu tư trang thiết bị và đào tạo nhân lực cần thiết ban đầu để Trung tâm có thể sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ trong các năm 2002 - 2004.

5. Các Bộ, ngành có liên quan.

a) Chỉ đạo, kiểm tra các tổ chức, cơ sở sản xuất - kinh doanh có khả năng gây ra sự cố tràn dầu thuộc quyền quản lý của mình lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc ứng phó sự cố tràn dầu theo các quy định của kế hoạch này.

b) Huy động các lực lượng và phương tiện trong phạm vi quản lý của mình tham gia ứng phó sự cố tràn dầu theo yêu cầu của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các cơ sở có khả năng gây ra sự cố tràn dầu phải xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của địa phương mình trên cơ sở huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở thuộc các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn thuộc quyền quản lý của mình.

b) Chỉ đạo, kiểm tra các tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh có khả năng gây ra sự cố tràn dầu thuộc quyền quản lý của mình lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của kế hoạch này.

c) Tạo điều kiện và phối hợp với lực lượng các Bộ, ngành, địa phương khác trong việc theo dõi, giám sát sự cố tràn dầu đồng thời chỉ đạo các hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ.
số 1169/QĐ-TTg ngày 30/8/2001
về việc tổ chức các đội y, bác sĩ
trẻ tình nguyện tham gia phát
triển nông thôn, miền núi.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và ý kiến của các Bộ: Tài chính, Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức các đội y, bác sĩ trẻ với tổng số 500 thanh niên đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học ngành y, tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi tại các trạm y tế ở các xã vùng đặc biệt khó khăn của 25 tỉnh trong thời gian 24 tháng kể từ năm 2001 đến năm 2003.

Điều 2. Các đội y, bác sĩ trẻ tình nguyện có nhiệm vụ giúp các xã làm công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế tại địa phương; tham gia đẩy mạnh

công tác đoàn kết, tập hợp và giáo dục thanh thiếu nhi trên địa bàn; xây dựng đời sống văn hóa mới và phòng, chống các tệ nạn xã hội.

Các y, bác sĩ trẻ tình nguyện được hưởng các chính sách ưu đãi đối với đội viên các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi theo Quyết định số 149/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nói trên do ngân sách Trung ương cấp trực tiếp cho Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là 8.272 triệu đồng (Tám nghìn hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Điều 4. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Y tế, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và Miền núi và các địa phương liên quan triển khai thực hiện việc tổ chức các đội y, bác sĩ trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi. Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện và tổng kết dự án khi kết thúc.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, nơi các đội y, bác sĩ trẻ tình nguyện đến làm việc, có trách nhiệm phối hợp chương trình này với chương trình xóa đói, giảm nghèo của Chính phủ trên địa bàn để tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ nói trên.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG